**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG**

**THẺ TRẢ TRƯỚC QUỐC TẾ BIDV**

*(Đính kèm Công văn số /BIDV-TTT ngày / /2022)*

Các điều khoản và điều kiện sau đây qui định các nội dung về Thẻ trả trước và cách thức sử dụng Thẻ trả trước do BIDV phát hành. Khi Chủ thẻ sử dụng thẻ trả trước do BIDV phát hành có nghĩa Chủ thẻ đã đọc và đồng ý với nội dung Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước đồng thời chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện này.

(\*) Vui lòng đọc kỹ nội dung của các Điều khoản và Điều kiện này trước khi sử dụng thẻ.

 **ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. **BIDV** là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong từng ngữ cảnh cụ thể là Trụ sở chính và (các) Chi nhánh/Phòng Giao dịch (Tổ chức phát hành thẻ).
2. **Ngân hàng thanh toán thẻ** là Ngân hàng/Tổ chức khác không phải là Ngân hàng được phép thực hiện dịch vụ chấp nhận thanh toán Thẻ theo quy định của Pháp luật.
3. **Tổ chức thẻ** là Hiệp hội các thành viên, Công ty phát hành, thanh toán thẻ trong và ngoài nước mà BIDV là thành viên hoặc tham gia hợp tác.
4. **Thẻ trả trước (thẻ)** là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho Tổ chức phát hành thẻ. Thẻ trả trước do BIDV phát hành có hình thức hiện hữu vật chất, có gắn dải từ và/hoặc chip điện tử để lưu giữ dữ liệu thẻ tích hợp công nghệ không tiếp xúc (Contactless) để thực hiện các giao dịch thẻ không tiếp xúc.
5. **Thẻ định danh** là thẻ có các thông tin định danh Chủ Thẻ. Thẻ trả trước định danh có thể thực hiện nạp tiền và rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ và được phép thực hiện các giao dịch khác tuân theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
6. **Thẻ vô danh** là thẻ không có các thông tin định danh Chủ Thẻ. Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán trên lãnh thổ Việt Nam, không được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di độngkhông được rút tiền mặt, (hoặc các loại hình tương đương có chức năng rút tiền mặt), và việc sử dụng thẻ bảo đảm tuân theo quy định khác của NHNN theo từng thời kỳ.
7. **Thẻ không tiếp xúc (thẻ contactless)**: Là thẻ sử dụng phương thức giao tiếp không tiếp xúc giữa Thẻ và thiết bị chấp nhận thẻ để thực hiện giao dịch thẻ.
8. **Số thẻ:** Là dãy số do BIDV tạo ra cho mỗi Thẻ. Số thẻ có thể được in nổi hoặc in chìm trên Thẻ vật lý hoặc được BIDV cung cấp cho Chủ thẻ qua các kênh giao dịch điện tử đối với Thẻ phi vật lý.
9. **Thời hạn sử dụng thẻ:** Là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ.
10. **Giao dịch thẻ không tiếp xúc:** Là giao dịch được thực hiện bằng cách chạm Thẻ không tiếp xúc vào thiết bị chấp nhận thẻ không tiếp xúc hoặc đặt Thẻ không tiếp xúc trong cự ly gần với thiết bị chấp nhận thẻ không tiếp xúc.
11. **Chủ thẻ** là cá nhân sử dụng thẻ.
12. **Chấm dứt sử dụng thẻ** là việc BIDV không cho Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ.
13. **Hạn mức giao dịch** là số tiền tối đa chủ thẻ được phép sử dụng căn cứ theo loại giao dịch, số lần, ngày, tháng do BIDV, Ngân hàng thanh toán thẻ quy định theo từng thời kỳ.
14. **Giao dịch thẻ** là việc sử dụng thẻ để gửi, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác tại ĐVCNT/ATM và các kênh chấp nhận thanh toán khác do ngân hàng phát hành thẻ, ngân hàng thanh toán thẻ cung ứng.
15. **Số dư thẻ** là giá trị tiền còn lại trong Thẻ mà Chủ Thẻ có thể sử dụng tại một thời điểm nhất định.
16. **Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) hoặc Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT)**: Là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Ngân hàng thanh toán thẻ.
17. **Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán** bao gồm Point of Sale (viết tắt là POS), Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác (sau đây gọi tắt là “POS”) là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà Chủ Thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
18. **Hóa đơn giao dịch** (viết tắt là HĐGD): là chứng từ xác nhận các giao dịch thẻ do Chủ thẻ thực hiện tại các thiết bị chấp nhận thẻ tại Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT), máy giao dịch tự động.
19. **PIN** là mã số mật của cá nhân được BIDV cung cấp cho Chủ thẻ và bất cứ số PIN nào khác do Chủ thẻ tự thay đổi và sử dụng trong một số giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật.
20. **Trung tâm chăm sóc khách hàng (Trung tâm CSKH):** Là đơn vị hỗ trợ tiếp nhận và xử lý các yêu cầu của khách hàng qua Tổng đài liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của BIDV.
21. **Ghi Nợ:** Là việc thực hiện làm giảm số tiền trong thẻ của KH bao gồm số tiền giao dịch/số tiền giao dịch quy đổi, các phí do BIDV/tổ chức thanh toán/Tổ chức thẻ quốc tế quy định (nếu có) và các khoản phí khác (nếu có).
22. **Ghi Có:** Là việc thực hiện làm tăng số tiền trong thẻ của KH bao gồm số tiền của giao dịch nộp tiền mặt, chuyển tiền mà KH là người thụ hưởng, số tiền được hoàn trả, số tiền điều chỉnh do BIDV/tổ chức thanh toán/ Tổ chức thẻ quy định (nếu có).
23. **Ngày giao dịch:** Là ngày KH thực hiện giao dịch theo ghi nhận trên hệ thống của BIDV.
24. **Ngày hạch toán giao dịch:** Là ngày mà giao dịch được ghi Nợ/ghi Có tại hệ thống của BIDV.
25. **Số tiền giao dịch (thẻ):** Là số tiền mà KH dùng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ hoặc thực hiện các giao dịch khác tuân theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.
26. **Số tiền giao dịch quy đổi:** Là số tiền giao dịch được quy đổi ra VND theo tỷ giá của các Tổ chức thẻ (đối với các sản phẩm thẻ có số BIN do Tổ chức thẻ cấp) hoặc BIDV quy định vào thời điểm hạch toán giao dịch, trong đó đối với dịch vụ thẻ thời điểm này được xác định là thời điểm Giao dịch thẻ được Ghi nợ/Ghi có vào tài khoản thẻ.

**ĐIỀU 2: PHÁT HÀNH VÀ GIAO NHẬN THẺ, SỐ PIN**

* 1. Chủ thẻ chấp nhận rằng BIDV có toàn quyền chuyển Thẻ và số PIN cho Chủ thẻ theo bất kỳ cách thức chuyển giao nào mà BIDV cho là phù hợp và an toàn. Chủ Thẻ phải bảo quản, cất giữ Thẻ.

2.2 PIN được cấp cho Chủ Thẻ để sử dụng và phải bảo mật PIN một cách nghiêm ngặt.

**ĐIỀU 3: QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THẺ**

3.1 Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại ĐVCNT trong phạm vi Hạn mức giao dịch. Các giao dịch của Chủ thẻ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và BIDV. Chủ thẻ không được sử dụng thẻ cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc giao dịch khống tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ), giao dịch tiền ảo, cá độ, đánh bạc, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận… hoặc mua hàng hóa dịch vụ bị cấm bởi luật pháp Việt Nam và các quốc gia nơi có ĐVCNT mà Chủ thẻ thực hiện giao dịch.

3.2 Số dư thẻ: sẽ không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào (trừ trường hợp thẻ không sử dụng được do lỗi kỹ thuật) và số tiền còn dư trong tài khoản thẻ sẽ được xử lý theo quy trình nội bộ của BIDV.

3.3 Chủ thẻ chịu trách nhiệm về tất cả Giao dịch thẻ phát sinh kể từ thời điểm nhận được Thẻ và phải bảo quản Thẻ, bảo mật số PIN/thông tin trên Thẻ và các thông tin phải bảo mật khác của Thẻ. Chủ thẻ xác nhận và đồng ý rằng BIDV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào mà Chủ thẻ phải chịu do hoặc liên quan đến việc không tuân thủ các quy định bảo mật thông tin Thẻ.

3.4 BIDV chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về Chủ thẻ, Thẻ, Giao dịch thẻ ngoại trừ các trường hợp cần cung cấp cho các cá nhân, Tổ chức theo quy định của Pháp luật, Tổ chức thẻ.

3.5 Thẻ vô danh có thể được xem như là tiền mặt, và không được thay thế khi Thẻ bị mất hoặc đánh cắp hoặc hư hỏng (trừ trường hợp thẻ bị hỏng do lỗi kỹ thuật).

3.6 Thông báo ngay cho BIDV trong các trường hợp Chủ thẻ phát hiện thẻ bị mất cắp hoặc thất lạc hoặc các thông tin trên Thẻ hoặc số PIN bị một bên thứ ba sử dụng trái phép hoặc phát hiện các Giao dịch thẻ bất thường.

3.7 Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với tất cả thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) đối với các giao dịch thẻ, nếu:

a. Phát sinh từ việc Chủ thẻ gian lận hoặc không tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận với BIDV tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ này trong quá trình sử dụng thẻ;

b. Phát sinh từ việc Thẻ bị lợi dụng.

c. Các giao dịch thẻ trái pháp luật và quy định của BIDV.

3.8 Chủ thẻ có quyền yêu cầu BIDV thực hiện xử lý các yêu cầu đối với dịch vụ thẻ qua Trung tâm CSKH phù hợp với các thoả thuận giữa BIDV và Chủ thẻ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm và rủi ro (nếu có) đối với các yêu cầu về dịch vụ Thẻ. BIDV có quyền (i) thực hiện ghi âm (các) cuộc cuộc trao đổi/ giao dịch qua điện thoại giữa BIDV và Chủ thẻ để làm chứng từ đề nghị liên quan đến nghiệp vụ thẻ từ Chủ thẻ; đồng thời là bằng chứng giải quyết tranh chấp giữa các bên (nếu có); (ii) đề nghị Chủ thẻ cung cấp các bằng chứng chứng minh việc thực hiện/không thực hiện Giao dịch.

3.9 BIDV có quyền khóa Thẻ ngay lập tức mà không cần thông báo trước hoặc chờ sự chấp thuận từ Chủ thẻ nếu phát hiện Thẻ có nguy cơ bị lộ thông tin dữ liệu thẻ hoặc Chủ thẻ có hành vi gian lận.

3.10 Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả phí liên quan đến thẻ. Nội dung chi tiết về các loại phí nói trên được nêu rõ trong Biểu phí do BIDV phát hành và là một phần không thể thiếu của Điều khoản và Điều kiện này. BIDV có quyền chủ động thay đổi cách tính phí, nội dung trong Biểu phí và thông báo cho Chủ Thẻ bằng các hình thức tương tự quy định tại Điều 13. Chủ Thẻ có thể tham khảo Biểu phí được công bố tại website của BIDV hay bất kỳ điểm giao dịch nào của BIDV, hoặc điện thoại đến Trung tâm chăm sóc khách hàng BIDV. Biểu phí thay đổi sẽ có giá trị (ràng buộc) nếu chủ Thẻ tiếp tục sử dụng dịch vụ ngay sau khi biểu phí mới có hiệu lực (ngày Biểu phí mới có hiệu lực). Các loại phí phát sinh sẽ được khấu trừ trực tiếp vào số dư thẻ, trường hợp số dư thẻ không đủ để khấu trừ thì chủ Thẻ đồng ý rằng chủ thẻ sẽ nạp thêm tiền hoặc thanh toán trực tiếp tiền phí này cho BIDV. Trong vòng 30 ngày kể từ Ngày phát sinh phí mà chủ Thẻ chưa thanh toán thì chủ Thẻ đồng ý rằng BIDV có thể áp dụng các biện pháp khác bao gồm chấm dứt sử dụng thẻ của chủ thẻ.

**ĐIỀU 4: TRA SOÁT KHIẾU NẠI**

4.1 Chủ thẻ có quyền khiếu nại, yêu cầu tra soát Giao dịch thẻ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ Ngày giao dịch. Sau thời hạn này mà Chủ thẻ không thông báo cho BIDV, Chủ thẻ chịu mọi trách nhiệm và các thiệt hại có thể xảy ra. Trường hợp chủ thẻ khiếu nại qua điện thoại, nếu BIDV thông báo với khách hàng cần hoàn thiện giấy đề nghị tra soát (ngay khi tiếp nhận khiếu nại qua điện thoại), chủ thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu trong thời gian quy định của BIDV. Trường hợp chủ thẻ không hoàn thiện giấy đề nghị tra soát đúng hạn theo yêu cầu, BIDV được miễn trách nếu phát sinh khiếu nại liên quan đến giao dịch và sẽ sử dụng file ghi âm (nếu có) làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát khiếu nại của khách hàng theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

4.2. Đối với các giao dịch thanh toán theo định kỳ (tháng, quý, năm), Chủ thẻ phải thông báo cho ĐVCNT và lưu lại bằng chứng khi ngừng sử dụng dịch vụ. BIDV có quyền từ chối tiếp nhận khiếu nại liên quan nếu chủ thẻ không cung cấp được bằng chứng đã thông báo tới ĐVCNT.

4.3. Chủ thẻ cần thực hiện chủ động giải quyết với ĐVCNT về Giao dịch cần tra soát, khiếu nại trước khi gửi đến BIDV và chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan trực tiếp giữa Chủ thẻ và ĐVCNT. BIDV không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc giao hàng, chất lượng dịch vụ/hàng hóa mà Chủ thẻ thanh toán bằng Thẻ.

4.4 Chủ thẻ phải chịu mọi tổn thất về tài chính đối với các giao dịch thẻ Chip mà Chủ thẻ cho rằng bị giả mạo.

4.5 Chủ thẻ phải thực hiện xuất trình Thẻ khi có yêu cầu của BIDV trong trường hợp Chủ thẻ khiếu nại, yêu cầu tra soát giao dịch.

4.6 Chủ thẻ có trách nhiệm hợp tác với BIDV trong quá trình điều tra các giao dịch gian lận phát sinh liên quan đến Thẻ bằng các cung cấp các thông tin liên quan đến quá trình sử dụng thẻ, thông tin về người thân của Chủ thẻ,... theo yêu cầu của BIDV. Chủ thẻ phải cung cấp được các bằng chứng có giá trị pháp lý để chứng minh giao dịch không do mình thực hiện để hỗ trợ BIDV điều tra vụ việc.

4.7 BIDV có quyền sử dụng bất kỳ chứng từ nào liên quan đến Giao dịch thẻ .như là bằng chứng rằng Giao dịch do chính Chủ thẻ thực hiện/ủy quyền thực hiện.

4.8 BIDV không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Chủ thẻ về những Giao dịch thẻ đã thực hiện, thiệt hại hay mất mát trong trường hợp:

a. ĐVCNT từ chối chấp nhận Thẻ mà nguyên nhân không là lỗi của BIDV

b. Trục trặc, thiếu sót, hỏng hóc của hệ thống ATM các ngân hàng khác và các máy móc thuộc hệ thống chấp nhận thanh toán Thẻ.

c. Thiên tai hay bất kỳ sự cố hệ thống xử lý, truyền tin hoặc bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của BIDV, hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo.

d. Lỗi của Chủ thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ và/hoặc do Chủ thẻ vi phạm thỏa thuận của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ này vì bất cứ lý do gì.

4.9 Trong trường hợp Chủ thẻ khiếu nại giao dịch không đúng hay quá thời hạn quy định, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch khiếu nại và các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có).

4.10 Đối với thẻ trả trước vô danh: Chủ thẻ không được quyền khiếu nại với lý do phủ nhận (không thực hiện) giao dịch.

**ĐIỀU 5: CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ**

5.1 Chủ Thẻ không thể sử dụng Thẻ khi Thẻ đã hết hạn theo thời gian sử dụng thẻ được in trên thẻ.

5.2 BIDV có quyền khoá thẻ và/hoặc thu hồi thẻ và/hoặc chấm dứt sử dụng thẻ mà không cần báo trước hoặc chờ sự chấp thuận từ KH trong các trường hợp sau:

a. Chủ thẻ vi phạm Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ trả trước vô danh hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với BIDV; Chủ thẻ qua đời; chủ thẻ bị mất năng lực hành vi hoặc hạn chế hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự.

c. Thẻ bị mất, đánh cắp, hư hỏng trục trặc.

d. Thẻ được sử dụng không đúng mục đích hoặc cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào.

e. Thẻ có nguy cơ bị lộ thông tin dữ liệu thẻ.

f. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**ĐIỀU 6: THÔNG BÁO**

6.1BIDV gửi thông báo các thông tin về quy định, quy trình, nội dung về dịch vụ, hướng dẫn về giao dịch an toàn, hạn mức giao dịch, biểu phí, lỗi đột xuất của hệ thống/lịch bảo trì định kỳ, ngừng cung cấp phương thức xác thực và Bản Điều khoản và điều kiện này cho KH thông qua các phương thức như: Thông báo công khai tại các điểm giao dịch của BIDV, hệ thống máy giao dịch tự động của BIDV, đăng tải trên website của BIDV,….KH có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các quy định và thông báo của BIDV (bao gồm cả Bản các điều khoản và điều kiện này) qua các phương thức trên.

6.2 Mọi văn bản, tài liệu giao dịch được coi là Chủ thẻ đã nhận:

a. Vào ngày công bố trên website chính thức của BIDV và/hoặc các website khác của BIDV; hoặc

b. Vào ngày BIDV thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác.

6.3 Chủ thẻ có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Thẻ được BIDV gửi cho Chủ thẻ thông qua nhắn tin, gọi điện thoại, điện tín, điện báo, fax, thư điện tử (email), bưu điện hoặc gửi trực tiếp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm mọi thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc bên thứ ba (nếu có) do Chủ thẻ để lộ những thông tin này.

6.4 Chủ Thẻ phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho BIDV về (i) bất kỳ sự thay đổi nào về những thông tin của Chủ Thẻ, bao gồm cả những thay đổi về địa chỉ và/hoặc các chi tiết liên lạc khác; và/hoặc (ii) về bất kỳ thông tin nào khác mà BIDV có thể yêu cầu vào từng thời điểm.

**ĐIỀU 7: LUẬT ĐIỀU CHỈNH - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

7.1 Hợp đồng này được lập và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.

7.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp giữa BIDV và Chủ thẻ, các bên sẽ giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải. Trường hợp không thể giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7.3 Nếu bất kỳ một hay nhiều điều khoản và điều kiện của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước này hay bất kỳ phần nào của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước này trở nên không hợp lệ, không giá trị hoặc không thể thi hành theo bất kỳ luật áp dụng trong bất kỳ phạm vi quyền hạn nào thì nó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hiệu lực và thi hành của những điều khoản và điều kiện còn lại của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước này ở phạm vi quyền hạn đó và/hoặc bất cứ phạm vi quyền hạn nào khác.

7.4 Việc chưa hoặc chậm trễ thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV theo như Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước này sẽ không được coi như là từ bỏ toàn bộ hay một phần quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV trừ khi BIDV có thông báo bằng văn bản về sự khước từ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

7.5 Bất kỳ kiện tụng nào phát sinh từ Hợp Đồng hoặc bất kỳ hành động nào có liên quan mà Chủ Thẻ hoặc bất kỳ bên nào đại diện cho Chủ Thẻ khởi kiện chống lại BIDV, trách nhiệm của BIDV sẽ không vượt quá số tiền là 500.000 VND (năm trăm ngàn đồng) hay ít hơn tùy theo tổn thất được chứng minh thực tế.

**ĐIỀU 8: SỬA ĐỔI BỔ SUNG HỢP ĐỒNG**

8.1 Các văn bản chỉnh sửa, bổ sung Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng trả trước này và các tài liệu kèm theo (nếu có), là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng và ràng buộc trách nhiệm đối với các bên.

8.2 Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung có hiệu lực vào ngày được ghi trong thông báo hoặc ngày gửi thông báo. Chủ thẻ được coi là chấp thuận với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ và không thực hiện chấm dứt sử dụng thẻ. Trường hợp Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, Chủ thẻ cần có thông báo chính thức bằng văn bản gửi tới BIDV.

**ĐIỀU 9: NGÔN NGỮ**

9.1 Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ trả trước, các tài liệu liên quan giữa BIDV và Chủ thẻ là tiếng Việt.

9.2 Trong trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.

**ĐIỀU 10: CÁC THỎA THUẬN KHÁC**

10.1 Chủ thẻ đồng ý để Ngân hàng, Đơn vị công tác của Chủ thẻ hay bất kỳ cơ quan, cá nhân khác được quyền cung cấp thông tin về Chủ thẻ theo yêu cầu của BIDV vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần sự đồng ý của Chủ thẻ.

10.2 Chủ thẻ đồng ý để BIDV toàn quyền sử dụng, lưu giữ số điện thoại liên lạc, địa chỉ hộp thư điện tử và thông tin liên quan đến các giao dịch thẻ thông qua BIDV trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam cho các mục đích khuyến mại, cải thiện và cải tiến việc dịch vụ thẻ của BIDV.

**ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

11.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày BIDV công bố bộ điều kiện điều khoản trên website chính thức của BIDV và/hoặc các website khác của BIDV. Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung có hiệu lực vào ngày được ghi trong thông báo hoặc ngày gửi thông báo. Chủ thẻ được coi là chấp thuận với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ và không thực hiện chấm dứt sử dụng thẻ. Trường hợp Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, Chủ thẻ cần có thông báo chính thức bằng văn bản gửi tới BIDV.

11.2 BIDV có quyền chuyển nhượng hoặc ủy thác các quyền của BIDV theo Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ này cho bên thứ ba mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ.

11.3 Quyền sở hữu Thẻ thuộc về BIDV và không thể chuyển nhượng Thẻ cho bất kỳ người nào khác.Chủ thẻ phải thực hiện hoàn trả Thẻ cho BIDV ngay lập tức theo yêu cầu của BIDV tại bất kỳ thời điểm nào.

11.4 Những nội dung không quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ trả trước này sẽ được áp dụng theo quy định pháp luật, và các quy định và quy chế khác của BIDV, các thỏa thuận cam kết giữa Chủ thẻ với BIDV.